

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hương

2. Ông Phạm Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01-4-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08-8-2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Lê Thị S, sinh năm 1991** (có mặt)

Địa chỉ: Khu p, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận

Bị đơn: **Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 199** (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị S trình bày:

Bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N. Vợ chồng tìm hiểu nhau được 01 năm rồi quyết định kết hôn.

Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do ông H thường say xỉn, cờ bạc, thường xuyên xúc phạm to tiếng bà S, ông H ham chơi, không quan tâm đến vợ con, đánh đập bà S nhiều lần, bà S khuyên nhủ nhưng ông H không thay đổi; Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 02-2017 cho đến nay (đã hơn 05 năm nay), mạnh ai người nấy sống, không quan tâm đến nhau, vợ chồng bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống. Đến thời điểm

hôm nay bà S không còn tình cảm yêu thương chồng ông Nguyễn Văn H, tình cảm của bà S đối với ông H đã hết hoàn toàn, vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Lê Thị S ly hôn ông Nguyễn Văn H, bà S đã suy nghĩ kỹ, cương quyết ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung tên Nguyễn Danh H, sinh 13-9-201; Nguyễn Lê Quỳnh A, sinh 16-12-201, hiện các con đang ở với ông Nguyễn Văn H. Ly hôn bà S tự nguyện giao 02 con cho ông H nuôi dưỡng, bà S không cấp dưỡng nuôi con.

Do hiện nay bà S làm nghề đầu bếp tại địa chỉ số 106/54 đường Phạm Hữu N, phường L, quận N, thành phố H, do đặc thù công việc nên bà S không có thời gian, không có điều kiện chăm sóc các con đầy đủ mọi mặt, nhất là việc học hành, sinh hoạt hàng ngày, nên bà S tự nguyện giao 02 con cho ông H nuôi dưỡng; Hàng tháng thu nhập bình quân của bà S khoảng 9.000.000đ (Chín triệu đồng), đủ trang trải cuộc sống hàng ngày.

Ông Nguyễn Văn H làm nghề chăn vịt, hàng tháng thu nhập bình quân khoảng 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết..

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng.

- Tại phiên tòa bà Lê Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng Bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đã phân tích đánh giá tài liệu, chứng cứ, thực trạng hôn nhân của bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn H, đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị S được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Danh H, sinh 13-9-201; Nguyễn Lê Quỳnh A, sinh 16-12-201 cho ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng; Bà Lê Thị S không cấp dưỡng nuôi con do ông H không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Lê Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con đôi với bị đơn ông Nguyễn Văn H, vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn ông Nguyễn Văn H có địa chỉ tại thôn H, xã Pi, huyện N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015.

[1.2] - Về sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Văn H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 92/2014, quyền số 01/2013, ngày 26-8-2014; Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn H, vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gay gắt, trầm trọng, xa cách thời gian dài, không còn khả năng đoàn tụ.

Xét thấy: Nguyên nhân dẫn đến ly hôn do vợ chồng thường xuyên cãi vã gay gắt, xúc phạm nhau, ông Nguyễn Văn H, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 02-2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, không còn khả năng đoàn tụ.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: Chính quyền địa phương có biết được mâu thuẫn vợ chồng bà S và ông H; nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên to tiếng, xúc phạm nhau, ông H không quan tâm đến vợ con. Hiện tại vợ chồng bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn H không còn chung sống với nhau từ tháng 02-2017 đến nay, không còn khả năng đoàn tụ.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, các văn bản tố tụng, niêm yết công khai nhiều lần theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn cố tình không đến. Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt xem như từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, chứng tỏ yêu cầu khởi kiện ly hôn và lời khai của bà Lê Thị S là có căn cứ.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Danh H, sinh 13-9-201; Nguyễn Lê Quỳnh A, sinh 16-12-201. Ly hôn bà S giao 02 chung cho ông H nuôi dưỡng, bà S không cấp dưỡng nuôi con.

Xét về yêu cầu giao nuôi con của bà Lê Thị S, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Nguyễn Văn H là người trực tiếp chăm sóc con chung từ nhỏ đến nay; cháu Nguyễn Danh H đã trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở với ông Nguyễn Văn H, cháu Nguyễn Lê Quỳnh A được chăm sóc đảm bảo mọi quyền lợi của con chung; Đồng thời bà S tự nguyện giao 02 con chung cho ông H nuôi dưỡng, do bà S hiện đang làm đầu bếp tại thành phố Hồ Chí Minh không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì vậy nên giao con chung 02 con chung tên Nguyễn Danh H, sinh 13-9-201; Nguyễn Lê Quỳnh A, sinh 16-12-201 cho ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng; bà S không cấp dưỡng nuôi con do ông H không yêu cầu là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện N tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị S. Cho ly hôn giữa bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung:

Giao con chung tên 02 con chung tên Nguyễn Danh H, sinh 13-9-201; Nguyễn Lê Quỳnh A, sinh 16-12-201 cho ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, bà Lê Thị S không cấp dưỡng nuôi con do ông H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí:

Bà Lê Thị S phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 000244, ngày 01-4-202 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Bà Lê Thị S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn không có mặt tại phiên tòa, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- UBND xã P;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Quốc Đạt

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hường - Phạm Ngọc Minh

Trần Quốc Đạt